

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN X  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2018/HNGĐ-ST  
Ngày: 08/11/2018  
“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X - TỈNH LONG AN**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Mỹ Phượng

*Các hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Trần Văn Nhị

2/ Ông Nguyễn Ngọc Châu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Long An.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 213/2018/TLST-HNGĐ, ngày 31/8/2018 về việc “Tranh chấp ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04/10/2018 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Bà **Phan Thị Mộng T**, sinh năm 1997. Địa chỉ Ấp TH, xã TH, huyện CT, tỉnh TG.

\* Bị đơn: Ông **Cao Văn H**, sinh năm 1995. Địa chỉ: Ấp BN, xã ML, huyện X, tỉnh Long An.

(Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông H vắng mặt.)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Phan Thị Mộng T trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:

Do quen biết nên bà và ông H tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 20/02/2017 tại Ủy ban nhân dân xã ML, huyện X, tỉnh Long An. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, khi bà sinh con và về mẹ ruột ở TG thì ông H bỏ bê, không thăm nom bà và con chung. Bà và ông H ly thân từ khi bà sinh con cho đến nay. Do đó tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà và ông H có 01 con chung tên Phan Ngọc An N, sinh ngày 17/6/2017. Hiện tại, con chung đang sống với bà. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc không thể đến Tòa được, nên bà xin vắng mặt suốt quá trình tố tụng.

\* Bị đơn ông Cao Văn H trong suốt quá trình giải quyết vụ án dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần vẫn vắng mặt, không làm bản tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào và không có ý kiến phản hồi hay yêu cầu gì đối với việc khởi kiện của bà T, cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, hòa giải nhưng không được do bị đơn vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Bà Phan Thị Mộng T nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Cao Văn H. Ông H cư trú tại xã ML, huyện X, tỉnh Long An, nên Tòa án nhân dân huyện X thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28 và Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Phan Thị Mộng T có đơn xin vắng mặt suốt quá trình tố tụng. Ông Cao Văn H là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử, nhưng vẫn không tham gia phiên tòa sơ thẩm là từ bỏ quyền lợi của mình. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông H theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung:

Tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Do đó, bị đơn không đến Tòa để trình bày ý kiến, không có phản đối gì đối với yêu cầu của bà T là từ bỏ quyền lợi của mình, nên Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vụ án trên những chứng cứ phía nguyên đơn cung cấp có trong hồ sơ vụ án xác định như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Mộng T và ông Cao Văn H tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ML, huyện X, tỉnh Long An ngày 20/02/2017. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do khi sinh con thì bà T về TG sinh sống, nhưng ông H không đến thăm bà và con chung.

Xét thấy, bà T kiên quyết xin ly hôn với ông H. Ông H không có bất kỳ giải pháp nào để hàn gắn và không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này. Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa bà T, ông H là trầm trọng nên yêu cầu

xin ly hôn của bà T phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên có cơ sở chấp nhận.

Về nuôi con chung: Vợ chồng bà T có 01 con chung tên Phan Ngọc An N, sinh ngày 17/6/2017, đang sống với bà T. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, con chung của bà T, ông H đang sống với bà T và sinh ngày 17/6/2017 chưa đủ 36 tháng tuổi. Để đảm bảo ổn định cuộc sống, tránh việc thay đổi hoàn cảnh sống làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý của trẻ, nên yêu cầu này của bà T có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 3 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nhưng ông Cao Văn H được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, thì một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung, tài sản chung: Cho đến khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này có tranh chấp, các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

Từ các phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

[3] Về án phí: Căn cứ điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, bà T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông H không phải chịu án phí.

Vi các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Mộng T đối với ông Cao Văn H.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Mộng T được ly hôn với ông Cao Văn H.

2/ Về nuôi con chung: Giao con chung tên Phan Ngọc An N, sinh ngày 17/6/2017 cho bà Phan Thị Mộng T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông Cao Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Phan Thị Mộng T không yêu cầu.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nhưng ông Cao Văn H được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, thì một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về án phí: Bà Phan Thị Mộng T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003785, ngày 24/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Long An. Bà Phan Thị Mộng T không phải nộp thêm. Ông Cao Văn H không phải chịu án phí.

4/ Án xử sơ thẩm, bà Phan Thị Mộng T và ông Cao Văn H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**\*Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Long An;
- Chi cục THA huyện X;
- VKSND huyện X;
- Các đương sự;
- UBND xã ML;
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*Đã ký*

**Lê Thị Mỹ Phượng**